

TRỜI PHẬT, THÁNH THẦN – NIỀM TIN TÂM LINH TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

LÊ THU YẾN*, NGUYỄN HỮU NGHĨA**

TÓM TẮT

Bài viết giới thiệu một số yếu tố tâm linh như trời, phật, thánh thần... Những yếu tố này tồn tại trong văn học trung đại như một niềm tin tuyệt đối về mặt tâm linh. Và đứng ở góc độ văn hóa, bài viết nhận xét đánh giá về sự hiểu biết cũng như trình độ tư duy của con người được phản ánh trong văn học thời đó.

Từ khóa: trời, phật, thánh thần, niềm tin, tâm linh, văn học trung đại.

ABSTRACT

God, Buddha, Saint – Spiritual faith in Vietnamese Medieval Literature

The article introduces some spiritual elements such as God, Buddha, Saint... These elements existed in Vietnamese Medieval Literature as an absolute spiritual faith. At a cultural standpoint, the article evaluates the knowledge and level of human thinking reflected in contemporary literature.

Keywords: God, Buddha, Saint, faith, spiritual, Medieval literature..

1. Trời - Phật

Người Việt tin rằng ngoài thế giới con người còn có những thế lực luôn theo dõi, phán xét, can thiệp vào mọi sinh hoạt của cuộc sống con người. Người xưa quan niệm “*Có thờ có thiêng, có kiêng có lành*” hay “*Có bệnh thì vái tứ phương*”... Hễ có bất cứ khúc mắc, trở ngại hay dịp may, vận phúc họ đều hướng đến trời, phật, thánh thần. Trong tất cả những đối tượng siêu nhiên hay phi nhân mà con người tin ngưỡng thì trời được xếp ở vị trí cao nhất. Tín ngưỡng thờ trời có nguồn gốc sâu xa từ trong tư duy nguyên thủy. Trải qua bao biến thiên của lịch sử, ngay cả sau khi có các triết lý tôn giáo của Không giáo, Lão giáo và Phật giáo truyền đến, người dân Việt vẫn duy trì niềm kính tín vào một đấng siêu nhiên tối cao

quán sát bao trùm đời sống của mọi sinh linh, vẫn lấy tín ngưỡng thờ trời làm nền tảng để giữ gìn truyền thống dân tộc, gia đình. Dù thực hành tín ngưỡng nào, người Việt luôn tin rằng: “*Trời cao có mắt*”, “*Lưới trời khó thoát*”, “*Người tính không bằng trời tính*”... Danh từ “trời” tự nhiên đi vào lời ăn tiếng nói cửa miệng của người dân Việt trong mọi hoàn cảnh. Hầu như mỗi gia đình người Việt đều có bàn thờ *trời* (miền Nam gọi là “*bàn thiên*”, miền Bắc gọi là “*cây hương*”). Đêm đêm, người ta thắp nhang van vái trời cao ban những điều tốt lành, may mắn, những mong ước đời thường: “*Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời/ Cầu cho cha mẹ sống đời với con*”.

“Trời” trong văn chương trung đại được đề cập dưới nhiều hình thức và tên gọi khác nhau: “*thiên*”, “*mệnh*”, “*cơ*”, “*trời*”, “*số*”, “*tạo vật*”, “*tạo hóa*”, “*hóa công*”, “*con tạo*”... Người xưa tin rằng

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

** ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

trời có quyền năng tối thượng, sắp đặt toàn bộ đời sống trần thế của con người, từ việc phân chia ranh giới quốc gia:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*
(Nam quốc sơn hà)

*Sông núi nước Nam, vua Nam ở,
Rành rành định phận tại sách trời*
(Sông núi nước Nam)

đến việc ủy thác trọng trách chấn dân cho người có chân mệnh thiên tử:

*Lòng vì thiên hạ những sơ âu
Thay việc trời dảm dễ đầu.*
(Tự thuật)

Trời không những quyết định đại sự mà còn an bài số mệnh của từng người: tốt - xấu, giàu - nghèo, họa - phúc hết thảy đều là ý trời:

*Mao ốc ngọc đường giai hữu mệnh
(Thứ vận tặng Thủy Vân đạo nhân)
Nhà tranh hay nhà ngọc, đều có số mệnh*

*(Họa vãn tặng Thủy Vân đạo nhân)
Nhân sinh vạn sự tổng quan thiên
(Hạ Nhật Mạn Thành)*

*Muôn việc ở đời đều do lòng trời
(Sản nghiệp cũ nhà truyền lại chỉ có
tấm chiên xanh)*

*Chữ rằng phú quý tại thiên
Tử sinh tại mệnh tự nhiên tại trời.*

...

*Tử sinh tại số bất kì
Con đừng thống thiết ai bi thêm
phiền...*

(Truyện thơ Lý Công)

Trong Chuyện tướng Dạ Xoa, Nguyễn Dữ cho rằng mọi thứ đều do trời, do số mệnh quy định: “Phú quý không thể cầu, nghèo cũng do tự số”. Truyện

Ông Đỗ Thế Giai, ông Hoàng Ngũ Phúc (Tang thương ngẫu lục - TTNL), có đoạn: “Viên hoạn quan hăm hờ nói: “Tôi xem vận trời và việc người, họ Trịnh sắp mất...”. Hai ông nói: “Không phải, nhà Trịnh có công lớn, ấy là mệnh trời. Có lẽ phục hưng cũng nên.”. Tương tự, truyện Tả Ao tiên sinh cũng lí giải sự được - mất là do trời: “Chưa bao lâu thì mẹ ông mất, ông định đem táng ở một cái huyệt ngoài hải đảo. Ngày giờ đã định, không may bị sóng gió, cản trở, không thể ra chôn được, thành ra lỗi kì. Ông than rằng: ‘Đó là cái huyệt miêng rồng, năm trăm năm mới mở một lần mà mở chỉ trong một khắc. Nay đã lỡ rồi, còn gì nữa. Thật là số mệnh của ta’”.

Hiểu luật trời, các nhà nho xưa chấp nhận số mệnh do trời sắp đặt, sống yêu đời và tin tưởng ở tương lai:

*Sang cùng khó bởi chưng trời,
Lăn lóc làm chi cho nhọc hơi.*
(Ngôn chí)

*Nẻo trời có sinh thì có dưỡng,
Dễ hầu nằm giữa mát phần chăng?*
(Thơ Nôm, bài 136)

*Trời đâu riêng khó cho ta mãi,
Vinh, nhục dù ai cũng một lần.*
(Vịnh cảnh nghèo)

*Hà như lạc đạo an thiên mệnh,
Tổn ích tùy nghi nhiệm thủ tương.*
(Mạn hứng)

*Sao bằng cứ vui đạo ở yên theo
mệnh trời,*

Dù được, dù mất, tùy đó mà định liệu.
(Cảm hứng lan man)

*Tạo vật phú dư dĩ tiền định,
Không sử thân tâm dịch dịch sầu.*
(Vô cầu ngâm)

Tạo hóa phú cho cái gì, điều đó đã là tiền định

Chẳng nên để cho thân tâm buồn rầu về nỗi tất tả, tất tưởi.

(Khúc ngâm không câu cạnh)

Niềm tin của người bình dân đối với trời bao giờ cũng đơn sơ, mộc mạc. Họ luôn tìm thấy ở đáng tối cao linh thiêng mà gần gũi ấy một chỗ dựa vững vàng trong mọi cảnh ngộ cuộc đời.

Hắn rằng thiên địa tuần hoàn,

Mà cho chàng lại trôi ngang vào chài.

(Nhị độ mai)

Vái trời cho đặng vuông tròn,

Trăm năm cho trọn lòng son với chàng.

(Lục Vân Tiên)

Lạy trời phù hộ chồng tôi,

Vào thi chiếm được tam khôi bảng vàng.

(Tống Trân Cúc Hoa)

Thoại Khanh nghe nói ngùi ngùi

Vái trời xin chứng lòng người thảo ngay

...

Tôi xin cắt thịt cánh tay

Đặng mà nuôi mẹ tháng ngày cho xuôi

...

Lời nguyện thầu đến trên trời

Cầm dao nòng cắt, chẳng rơi máu hồng.

(Thoại Khanh Châu Tuấn)

Mọi học thuyết tư tưởng, dù hoàn bị đến đâu cũng có những giới hạn, những mâu thuẫn nhất định khi tham chiếu vào đời thực - nhất là khi va chạm với lợi ích và hạnh phúc của con người trần thế. Quá

nhiều bất công và nghịch lí xảy ra ở đời khiến người ta không khỏi nghi ngờ số mệnh mà trời cao an bài. Tạo hóa đố kị, ghét ghen với văn chương, với người đẹp, người tài là vì có gì? Hầu như người xưa chỉ nhận biết đó là trò con tạo mang tính võ đoán. Đôi lúc, đối diện với thực tế phũ phàng, nghiệt ngã, người ta rơi vào tình trạng “bất khả tri” về “số mệnh” hay “ý trời”, cuối cùng trở nên thụ động và mất phương hướng:

Càng một ngày một ngật đến xương,

Ắt vì số mệnh ắt văn chương.

(Tự thán)

Duyên đứt sáu năm,

Vui ít sầu nhiều,

Tài dài mệnh ngắn.

(Văn tế Đoàn Thị Điểm)

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.

(Truyện Kiều)

Cổ kim hận sự Thiên nan vấn.

(Độc Tiểu Thanh kí)

Quyền họa phúc trời tranh mất cả,

Chút tiện nghi chẳng trả phần ai.

Cái quay búng sẵn trên trời,

Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

(Cung oán ngâm khúc)

Hơn đâu hết, văn tế thể hiện rất rõ môi hoài nghi, bất bình và phản kháng luật trời cay nghiệt:

Ôi! Tạo vật làm sao, con người thế mà đến điều đau đớn thế?(Văn tế chị)

Ôi thôi! Do Trời ư? Do mệnh ư?

Chị tôi sao lại đến nỗi này?...

(Đại nội tử tế kì ti văn)

Làm ra có ấy, Tạo hóa ghét nhau

chi,

*Nhắc đến đoạn nào, anh hùng rơi
lụy mãi.*

(Văn tế Trương Định)

*Tiếc cho Tạo hóa khéo vô tình,
ngàn năm một hội tao hùng, phận thủy
có phận chung sao chẳng có?*

(Tể trận vong tướng sĩ)

*Ôi thôi! Do Trời ư? Do mệnh ư?
Chị tôi sao lại đến nỗi này?...*

*Chẳng những Trời đã khó lòng cam
chịu, mà mệnh cũng thật khó biết lắm ru?*

(Đại nội tử tế kì tử văn)

*Cám cảnh Nam Trung, trách lòng
Tạo vật.*

(Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh)

Không những oán trách, nhiều
người còn tỏ ra hằn học, chửi rủa thói bất
công của tạo hóa:

*Giận bầy lão Kiên khôn bạc ác,
chòng chẹo hẳn không vì,*

*Hiềm thay con Tạo hóa trở trêu,
mon men ta muốn mắng.*

(Khóc con gái)

Chém cha cái kiếp má đào,

Cởi ra rồi lại buộc vào như chơi

(Truyện Kiều)

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung

(Làm lễ)

Vấn đề đặt ra là: Luật trời toàn
năng như vậy, độc đoán như vậy, con
người có cái mệnh được chăng? Câu trả
lời tuy không nhiều nhưng cũng hé mở
một lối thoát. Sau bao nhiêu suy nghiệm
về thể thái nhân tình, Nguyễn Trãi chủ
trương lấy tâm hướng thiện mà đối đãi ở
đời: “Phú quý lòng hơn phú quý danh”
(Tự thán – bài 13), “Tu kĩ đân tri vi thiện
lạc” (“Sửa mình chỉ biết làm thiện là vui”

– Ngâu hành)... Mặc dù cảm thấy sợ hãi
trước cái thâm hiểm, trá trở, bạc ác của
nhân tâm nhưng Úc Trai tiên sinh chưa
khẳng định rõ rằng chính nó tạo nên
những nghịch cảnh chứ không phải mệnh
trời. Đến Nguyễn Du thì vấn đề nhân
mệnh được nhận thức rõ hơn trong
Truyện Kiều, tuy không phải là triệt để.
Tổ Như nhận thấy số phận con người đôi
khi không phụ thuộc vào thiên mệnh:
“Xưa nay nhân định thắng thiên cũng
nhiều.” và lắm lúc ông mơ hồ nhận ra cốt
lõi vấn đề là do lòng người chứ không
hẳn là ở ý trời:

Sự rằng: Phúc họa đạo trời,

*Cội nguồn cũng ở lòng người mà
ra.*

Có trời mà cũng có ta,

Tu là cội phúc tình là dây oan.

Thiện căn ở tại lòng ta,

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Tiếc rằng ông vẫn chưa bứt ra khỏi
cái vòng lẩn quẩn của niềm tin vào thiên
mệnh: “Ngẫm hay muôn sự tại trời...”.

Qua đây có thể thấy, niềm tin vào
quyền năng của Trời trong văn chương
trung đại được thể hiện qua nhiều cấp độ
khác nhau, một phần là chấp nhận nó như
một quy luật tất nhiên, nhưng phần lớn là
hoài nghi, thù hận, chống đối. Đáng chú
ý là trên hành trình tư tưởng của mình,
các nhà nho cũng ít nhiều nhận ra chữ
mệnh hay cái lí của vũ trụ, cũng như cái
lí của đời sống con người nằm ngay trong
chữ tâm và khích lệ con người tu tâm để
thiếu trừ và hóa giải những nghịch cảnh.
Hiểu theo nghĩa này, tu tâm không chỉ có
nghĩa là sửa tâm mà còn có nghĩa là
khám phá ra cái lí của đạo nằm ngay

trong tâm của con người.

Trong tâm thức người dân Việt, trời - phật tuy hai mà một. Vì lẽ đó, hai danh từ này thường song hành như một cách gọi chung, nhằm hướng đến những đáng linh thiêng từ bi nhất. Mở đầu truyện thơ Cái Tắm cái Cám, tác giả dân gian đã thể hiện một nếp nghĩ mộc mạc:

Đạo trời báo phục rất công

*Làm điều gian ác chớ hòng được
lâu*

Làm lành trời Phật giúp sau

*Chuyện này chép để khuyên nhau
gọi là.*

Đặc tính tâm lí chung khi người Việt ngưỡng vọng phật trời không gì ngoài lòng mong cầu sự giúp rập nhiệm mầu cho đời sống của mình gặp may mắn, đạt thành ước nguyện và vượt qua những tai ách:

Rằng: “Xin đợi lại mấy ngày,

*Cầu trời khẩn Phật hoa này lại
tươi.*

(Nhị độ mai)

Khẩn trời lay bụt đòi phen,

*Chúng mình phù hộ ước nguyện
chồng tôi.*

(Tổng Trân Cúc Hoa)

Dâng lên cúng trước tiền đường

*Chúng tôi từ chỗ tựa nương cảnh
triền*

Đã nhờ chư Phật hoàng thiên

Rày xin tìm tới về miền hương quê

Lòng thành lễ vật có gì

*Nguyện xin linh ứng, hộ trì bình
sinh.*

(Phương Hoa)

Đêm ngày mưa nắng dãi dầu

Một cung một ngựa một hầu lân la

Chẳng dù muôn dặm đường xa

Chân đi miệng niệm di đà hộ thân.

(Nữ tú tài)

Đối với người Việt, uy lực, thần thông của Phật thực sự chứng hiện, không phải là thứ quyền phép mông lung, vô căn cứ. Điều đó trở thành niềm tựa vững chắc cho niềm tin vào sự che chở của thế lực bên trên đối với sự nhỏ bé của thân phận của kiếp người. Đó còn là chỗ dựa tinh thần và là niềm kính tín và hướng thượng cao cả giúp thanh lọc tâm hồn, vươn tới chân, thiện, mỹ. Trong tình cảnh khó khăn, cùng cực, người có lòng thành luôn nhận được sự cứu giúp nhiệm mầu:

Cúc Hoa cầm tiền lên tay,

*Trời phù Bụt hộ, sắp ngay một
đồng.*

(Phạm Công Cúc Hoa)

Phật trời xem thấy người ngay,

*Thích Ca xuống phước cho ngay
cây đàn.*

(Thoại Khanh Châu Tuấn)

Sư Ma Ha trong truyện Thiên sư Ma Ha cũng được sự cứu giúp của đáng Quan Thế Âm Bồ Tát mà thoát khỏi cảnh mù lòa tăm tối: “Sư lại được Quan Âm đại sĩ dùng cành dương tinh thủy rưới đầu rảy mặt. Mắt sư bỗng sáng lại, tâm trí càng thanh tỉnh”. Đặc biệt, Phật bà Quan Âm của người Việt xuất thân từ những nữ nhân trải qua nhiều biến cố khổ đau, oan trái trên đường đời. Truyền thống trọng nữ đã đưa những nhân vật nữ như Thị Kính (Quan Âm Thị Kính), Diệu Thiện (Sự tích Phật Nam Hải Quan Âm hiển ca) lên tòa sen cao quý và trở thành biểu tượng của tâm lòng đại bi cũng như

ý chí nhẫn nhục sắt đá của phụ nữ Việt Nam. Tuy mang màu sắc tôn giáo nhưng niềm tin cũng như quan niệm đạo lí dân gian bao trùm lên những câu chuyện sự tích các Phật mẫu, Phật bà. Thật hữu lí khi nhận định: người Việt đón nhận tất cả các tôn giáo nhưng không nhiệt tín đối với bất cứ tôn giáo nào. Phật, trong tâm thức người Việt, ít khi được tôn sùng như một vị chánh đấng chánh giác mang hàm nghĩa tôn giáo chính thống mà chủ yếu được kính ngưỡng như cha mẹ, ông bà giảo dị và gần gũi luôn theo sát đời sống con người, sẵn sàng cứu giúp người sống lành thiện, ngay thẳng nhưng gặp cảnh khốn cùng.

Sự hình dung của người Việt về vị thần tối cao của muôn loài này có mối quan hệ sâu đậm với lối sống trọng tình và đầu óc thực tiễn. Trong tâm thức người xưa, Trời là vị thần có nhân cách, gần gũi và thân thương như ông bà, cha mẹ, luôn theo sát cuộc sống của con người, quan sát công - tội, thiện - ác để thưởng phạt công minh, đồng thời thấu hiểu tâm tư con người, chứng kiến những vui buồn, sẵn sàng ra tay cứu giúp khi con người gặp khó khăn, hoạn nạn. Trời là một đấng nhân từ luôn đầy ắp tình yêu thương. Có thể nói, tin vào quyền năng tối thượng của Trời là phần cao quý nhất, trong sáng nhất trong toàn bộ tín ngưỡng của người dân Việt Nam.

2. Thánh thần

Tuy không phải là một lực lượng có quyền năng tuyệt đối như trời, phật, thánh thần cũng là những thế lực siêu nhiên được con người kính ngưỡng, tôn thờ. Thế giới thần linh của người Việt

cũng khá đa dạng. Thế giới ấy có khi đồng nhất với thế giới bên trên – những thần tiên ở cõi trời; có khi là thế giới của những vị chủ quản các hiện tượng tự nhiên hoặc các không gian sống từ rộng đến hẹp như sông núi, hồ đầm, làng nước, nhà cửa...; cũng có khi thần thánh có xuất thân từ người phàm – tức nhân thần...

Thần tiên, trong sự hình dung của người Việt là những đối tượng siêu phàm, đẹp về tướng mạo, dung nhan, tốt bụng và có phép thuật, sống một đời sống thanh thoát chốn bồng lai tiên cảnh. Tuy vậy, họ vẫn có những mối tương thông nhất định với người trần. Văn chương trung đại Việt Nam, trên nền tảng kế thừa truyền thống truyện dân gian và tiếp thu văn học Trung Quốc, đã xuất hiện hàng loạt những truyện chứa đựng yếu tố thần tiên diệu ảo. Truyện Tiên ăn mỳ (Lan trì kiến văn lục - LTKVL) kể rằng Ất và Giáp là hai anh em ruột nhưng tính tình trái ngược nhau. Giáp làm anh nhưng không biết thương tình cốt nhục, tham lam, bần tiện, bao nhiêu của cải giành hết, chỉ cho em ở một chiếc lều nát, bỏ mặc em đói nghèo, khốn khổ. Ất nghèo nhưng siêng năng, chất phác, thật thà, lại hay giúp đỡ người khác. Chàng gặp tiên dưới hình hài người ăn mỳ bần thiêu nhưng vẫn đối đãi tử tế nên được ban cho nhiều vàng. Giáp bắt chước em để được vàng, cố tình đón một cụ ăn xin về nhà đánh cho ông ta khóc ra vàng, liền bị dân làng bắt giải lên quan. Truyện Sự tích thần núi Tản Viên (Sử Nam chí dị - SNCD) kể: xưa có một người cháu vua Lạc Long ở sườn núi Tản Viên, làng

Đường Lâm, tỉnh Sơn Tây làm nghề đốn củi. Ở núi ấy có một cây cao lớn. Người ấy định ngã xuống, hôm sau đến lấy gỗ. Nhưng kì lạ thay, hôm sau đến thì thấy cây đứng lên như cũ, ba lần ngã xuống hôm sau đến đều thấy như vậy. Người ấy nằm rình bên gốc cây thì thấy một ông lão cầm gậy trúc đến gõ vào gốc cây thì cây dựng lên. Ông lão khuyên anh không nên tàn hại cây cỏ như vậy rồi tặng anh cây gậy thần có thể chữa bách bệnh, dặn rằng hãy làm phúc cứu giúp mọi người, nếu ai có lễ tạ, chỉ lấy đủ ăn thôi. Nói rồi ông lão biến mất. Truyện Tiên ngoài đảo (LTKVL) kể: Nguyễn Lộc cùng với những người bạn một hôm đi đánh cá ngoài biển thì thuyền bị gió tạt vào một hòn đảo. Thấy một con hươu từ trong bụi vọt ra, cả bọn đuổi bắt. Nguyễn Lộc khỏe hơn cả nên chạy theo con hươu đến lạc mất lối về chỗ đậu thuyền. Bỗng giữa nơi hoang vu Lộc nghe tiếng cười nói, dò lại gần thì thấy có hai cụ già ngồi đánh cờ, bên cạnh trái cây bày la liệt, lại có đĩa tiểu đồng bên cạnh pha trà. Lộc đánh bạo vào xin họ chỉ lối về. Một trong hai ông lão ra hiệu cho tiểu đồng bê một cành cây đưa cho Lộc và chỉ đi theo hướng ấy mà về. Lộc vừa ra khỏi mấy bước đã gặp các bạn thuyền. Trò chuyện mới biết Lộc đã lạc họ hai đêm rồi, lại tự nhiên trở về đúng chỗ. Nghe chuyện của Lộc kể, mọi người thấy đều kinh ngạc.

Đặc biệt, những câu chuyện tình người - tiên tạo nên một dòng (hay chỉ ít một nhóm) truyện mang màu sắc đặc trưng của văn chương trung đại. Truyện Tú Uyên (Thỉnh văn dị lục - TVDL) kể rằng chàng Tú Uyên gia tư vốn thanh bản

nhưng hiếu học, mặt mũi lại phúc hậu. Một hôm đi ngang qua một ngôi đền thì gặp một cụ già hình dáng cổ quái, được cụ tặng cho một bức tranh tố nữ. Chàng bèn mang tranh về nhà, treo trên tường vách coi như người bạn thanh khí, ngày ngày làm việc gì cũng trò chuyện với người trong tranh. Một hôm, cô gái trong tranh bước ra, chăm nom nhà cửa, lo cơm nước cho Tú Uyên. Tú Uyên lấy làm lạ, rình bắt gặp người đẹp, bèn đốt bỏ tranh đi. Cô gái từ đó sống với chàng như vợ chồng, sinh được một con trai. Vốn là tiên nữ giáng trần nên cô gái dạy cho Tú Uyên phép tiên. Ít lâu sau, phép tiên luyện xong, cả nhà bay đi mất. Người đời sau lập đền thờ tại chỗ nhà ấy, đến nay vẫn còn hiển ứng. Truyện Tiên chúa Ngọc Tiên (Hội chân biên - HCB) kể: dưới chân núi Cầu Sơn, phủ Diên Khánh xưa có một cái đầm thông với biển, thời Trần - Lê về trước là đất thuộc Chiêm Thành. Một hôm có một cây gỗ dạt vào, có mây che phủ bên trên. Mọi người lấy làm lạ định kéo lên nhưng kéo không nổi, riêng chỉ có hoàng tử con vua Chiêm kéo lên được. Gỗ được đưa vào trong thành, mùi hương sức nức. Một đêm sáng trăng, có một thiếu nữ cứ quanh quất ở cây gỗ ấy, thân hình rạng rỡ như ngọc nên mọi người gọi là Ngọc Tiên, vua sai mang lễ vật đến đón về làm vợ thái tử, được mấy năm thì sinh một trai, một gái. Khi đó, nàng mới nói rõ thân phận của mình là tiên nữ giáng trần sắp hết hạn trở về trời. Nàng sai thợ xây tháp tựa lưng vào núi, lấy cây gỗ thom tạc tượng cả gia đình để ở trong tháp, giao cho dân địa phương thờ phụng. Sau đó cả bốn người cùng lên

trời. Lúc ấy, vùng núi này có nhiều thú dữ nhưng không hề làm hại đến con người. Dân chúng cầu đảo rất ứng nghiệm. Chuyện Từ Thức (Từ Thức tiên hôn lục – Truyền kì mạn lục - TKML) kết nghĩa đá vàng với nàng tiên kiều diễm Giáng Hương, Đào Sinh với thần nữ Liễu Hạnh (Vân Cát thần nữ - Truyền kì tân phả - TKTP) đều mang màu sắc diễm tình huyền ảo thể hiện nhiều thông điệp của người sáng tác cũng như đáp ứng được thị hiếu văn chương của con người thời đại.

Ông bà tổ tiên ta tin rằng “Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá” hay “Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề”. Thánh thần có thể đem lại sự may mắn, cũng có thể gieo rủi ro, có thần thiện mà cũng có thần ác. Thần có khi cương trực, uy nghiêm, cũng có khi giận dữ, thích trả thù... Mọi hành động của con người đều không nằm ngoài tầm giám sát của thần linh. Phạm Công (Phạm Công Cúc Hoa) thân phận nghèo hèn không thể làm tang ma cho cha đường hoàng, tươm tất. Chàng nghĩ chỉ có trời đất thánh thần mới chứng tri cho tấm lòng hiếu thảo của mình:

*Tuổi tôi còn bé hậu sinh
Vào ra cũng có một mình thờ cha
Lạy xin đất rộng trời xa
Người ta cũng chẳng ai ra làm vậy
Đem cha mà táng bóng cây
Vái cùng thiên địa ngày rày chứng
hay
Trong nhà đói khổ đường này
Thần linh chứng giám phen này cho
cha...*

Như vậy, người Việt quan niệm

thánh thần linh thiêng có thể thấu suốt mọi việc thế gian, kể cả những suy nghĩ và tình cảm bên trong con người. Phụ thân bị hàm oan, Phi Nga cầu cứu oai thần tứ phương linh hiển giải niêm oan khuất:

*Khán rằng: “Thái thượng lão quân
Cười trâu hóa phép phong vân chớ
chầy*

*Kìa trời cao, nọ đất dày
Xét soi kíp giải oan này cho xong
Bèn làm văn sớ một phong
Khán cầu thiên địa, thổ công linh
thần*

*Cẩn phong một sớ vân vân
Ngày đi tới lại nương thân khẩn cầu.
(Nữ tú tài)*

Chính niềm tin vào sự toàn năng ấy, con người luôn trông cậy vào sự gia hộ của thánh thần. Cúc Hoa trở dạ trong tình cảnh thân cô thế quạnh. Nàng chỉ biết thành tâm nương tựa ở sự giám hộ của quỷ thần:

*Vái cùng thiên địa chứng tri
Tôi còn thơ dại tiểu nhi một mình
Ví dù nhị nữ thai sinh
Quý thần phù hộ thoát mình nở hoa
Trước sau không có người ta
Chồng thì cách trở đường xa chưa*

về.

(Phạm Công Cúc Hoa)

Thánh thần không chỉ hiện diện trong niềm tin của con người mà nhiều lúc còn xuất hiện giữa đời thực để tỏ rõ oai nghiêm:

*Lòng thành thấu đến thiên tào
Sai Văn Xương xuống kíp vào đầu thai.
(Tống Trân Cúc Hoa)*

Chàng Trương Ba (Truyện Trương

Ba – TVDL), vì một câu nói cao ngạo đã phạm đến uy vũ thánh thần. Một hôm, Trương Ba chơi cờ với một người, thế cờ rất nguy, chàng bèn vung tay kêu lên: *“Dầu Đế Thích giáng trần cũng khó gỡ nổi”*. Nói xong, Trương Ba bỗng thấy *có một cụ già đến bên bàn cờ*, mách nước cho người kia, trong chốc lát, người đó chuyển thua thành thắng. Ông Đặng Chất (Ông Đặng Chất – TTNL) một lần thấy hai người đàn bà cãi nhau về việc cái yếm rồi đến đền Đông Thiên vương thề bồi. Sau mấy tháng người đàn bà ăn trộm yếm vẫn không sao, ông cười mỉa mai quý thần. Đêm, thần đến gõ cửa bảo: *“Ông Trọng! Ông Trọng! Sau này ông xử sự ở triều đình, sẽ lấy một mạng người để đền bù cho hai cái yếm phải không?”*. Ông sợ hãi rợn người, sáng ra phải đến đền tạ lỗi. Truyện Đền Trần Vũ (TTNL) kể rằng vào thời thượng cổ, ở ngôi miếu ma thuộc huyện Yên Phong, có con cáo chín đuôi gây tai họa cho dân cả vùng. Đức Huyền thiên Thượng đế giáng xuống bắt con cáo ấy. Từ đó, các triều vua đều có thờ vọng, dựng đền Trần Vũ ở phía Tây Bắc thành Thăng Long để trấn linh khí ở hồ Tây... Có quan Thượng Thư nọ khi đi sứ Trung Hoa đã rước pho tượng Tử Đồng Đế Quân về nước, đặt ở đền Trần Vũ, sau lại thiên lên đỉnh núi Hoàng Xá. Đức Tử Đồng giáng bút bảo *“An Nam là nước văn hiến, ta sẽ cứ lấy những ngày một, ngày sáu, báo mộng cho học trò. Nguyên Tượng thì phải trả về Bắc. Đừng đem ta đi mà làm như bản, rối loạn như vậy”*. Vị quan làm theo lời, trả tượng về Bắc, lại cho tạc một tượng mới thờ ở đền Trần Vũ, sĩ tử khắp nơi thường đến

đền làm lễ cầu mộng, báo ứng rất linh nghiệm. Truyện Sông Độc (TTNL) kể: Sông Độc ở Sơn Nam, chỗ ngã ba sông có miếu thờ thần sông. Giữa sông có một cây cột, người ta thường đến thề bồi ở chỗ cây cột ấy, ai gian trá sẽ bị cây cột bó chặt, lòi tuột xuống nước... Khi Chúa đi ngang qua sông, sông bỗng khô cạn, không đi được. Chúa sai người đến lễ khẩn Thần đền, hứa sẽ tiến phong thì chỉ chốc lát, trong nước bỗng có hai con rắn xuất hiện, dài hơn một thước, to bằng ống tre, bò ngoằn ngoèo qua cái bãi ấy. Rắn bò đến đâu, cát tan ra đến đấy, nước sông lại đầy lên như cũ. Chúa tiến phong cho thần đền là bậc Thượng đẳng.

Có khi, thần thánh sau nhiều phen hiện rõ oai lực, thần thông, trừng phạt lỗi lầm của người đời thì được lập đền thờ và gia phong. Truyện Thánh mẫu núi Sòng (HCB) kể: Thánh mẫu hiệu là Liễu Hạnh nguyên quân, con gái thứ hai của Ngọc Hoàng thượng đế, đêm rằm tháng tám, giáng sinh vào nhà họ Lê ở thôn An Thái, Vân Cát, Thiên Bản, niên hiệu Vĩnh Tộ. Khi mang thai thánh mẫu, phu nhân họ Lê mắc bệnh tựa như có quỷ ám, chữa mãi vẫn vô hiệu. Lúc sắp sinh có một đạo nhân đến dâng đàn hành pháp, ném cái búa ngọc, thoát không thấy đâu. Khi bé gái ra đời, hương lạ sức nức, hào quang rực rỡ, được đặt tên là Giáng Tiên. Khi lớn lên, đức hạnh hơn người, đã nên duyên chồng vợ, 21 tuổi thì hóa. Đến khoảng niên hiệu Cảnh Trị, Ngọc Hoàng cho là chưa hết hạn trích giáng nên lại cho giáng làm phúc thần (ngày mùng 3 tháng 3). Khi giáng hạ, Mẫu thượng đồng cho dân biết. Người dân cứ thế tựa vào núi mà lập miếu. Tướng Trịnh nghe thế,

nghe là yêu quái, mời pháp sư diệt trừ nhưng không diệt nổi. Mẫu nhiều lần hiển hiện oai linh để răn đe người đời. Triều đình có người biết là Mẫu hiển thánh, xin vua phong tặng và lập miếu. Từ đó, vùng ấy mới yên ổn. Mẫu thường đi chơi, qua lại hiển thánh khắp nơi, thể hiện thần thông. Chẳng hạn như đi vòng mặt trời trên núi cao, chiều tối mặt áo trắng biến hóa thi tài với pháp môn, hóa làm thiện sĩ ban đêm chèo chiếc thuyền vượt sông Lô... Nhiều triều vua gặp chiến trận đến cầu đảo rất linh ứng, nhiều lần phong tước. Các truyện Vân Cát thần nữ (TKTP), Tiên chúa Ngọc Tiên (HCB) cũng có nội dung tương tự.

Ngoài ra, có những người sống đời ẩn dật, tu đạo đạt được cảnh giới thần tiên, thỉnh thoảng hiển thánh giúp người đời, được nhân dân tôn kính không khác gì thần thánh và truyền tai nhau những câu chuyện linh dị xoay quanh những nhân vật ấy. Truyện Hồng Sơn chân nhân (HCB) kể rằng con trai quan Thị lang Phạm Công Chất tính tình hào mại, hay rượu, giỏi thơ, thích ngao du sơn thủy. Một lần gặp một cụ già, con người mắt đen, nhìn mặt trời không chớp mắt, biết là bậc dị nhân, ông bèn lạy xin chỉ giáo. Nhờ thụ giáo từ cụ già ấy mà chàng trai họ Phạm đắc đạo, thần diệu khôn lường. Một thời gian sau không ai thấy chàng đâu cả. Có người vào kiếm củi trong núi Hồng Sơn, gặp một người cưỡi con lừa xanh từ trên trời đáp xuống, hỏi ra mới biết họ Phạm. Người ấy ngồi trên đá đọc sách, sau đó lại vút lên trời. Lại có khi xuất hiện một ông già hay giúp những kẻ buôn bán nghèo hèn mua may bán đắt. Có họ Đỗ thích thuật phong thủy, gặp

ông giữa đường, hẹn đến chân núi Hồng Sơn đàm đạo cùng mấy vị chân nhân khác. Đỗ được ông khuyên chọn huyệt đất nhưng không làm theo, sau bị thụ hình thì mới hối hận. Sau chân nhân Hồng Sơn thường hóa thành một cụ già, tự đặt hiệu là “Hương cống ngọc” cùng các giám sinh đi chơi, làm bài “*Tịch cư ninh thể phú*” được người đời tranh nhau truyền đọc. Truyện Chân nhân sùng hươu (HCB) kể về một người ở Cao Bằng, không nhớ rõ họ tên, rất mực hiếu thảo, hằng ngày vào rừng kiếm củi nuôi mẹ. Một hôm, mẹ thèm sữa hươu, người ấy vào rừng nhưng không tìm được sữa bèn ngồi khóc. Một ông lão đến dạy cách đội lột hươu mà vắt trộm, lại dạy cho phép tiên, dặn phải giữ kín. Sau khi mẹ mất, người vào trong núi không trở về nữa. Mọi người tìm khắp thì chỉ gặp một con hươu biết nói tiếng người bỏ lại một cặp sừng giúp dân làng tìm chỗ khai khẩn đất đai, có cuộc sống no đủ rồi biến mất. Truyện Dật sự ông tiên họ Phạm (TTNL) kể: Phạm Viên người làng An Bài, huyện Đông Thành, đã từng gặp tiên. Ông đắc đạo, biết nhiều phép thuật. Một hôm ông mặc đồ xô gai đi vào nhà, khóc rống lên, sau đó quả nhiên cha ông mất. Đến khi đưa ma, ông hóa phép mang các hàng quán xung quanh đến chỗ nhà trạm, biến ra các thực phẩm kì lạ để làm cỗ cúng và thết đãi khách khứa. Sau khi xong việc, ông hóa tiên đi mất.

Hầu hết các triều đại phong kiến Việt Nam đều có truyền thống lập đền thờ phụng và tôn phong những bậc đạo cao đức trọng hay anh hùng, liệt nữ có nhiều công đức với non sông và trăm họ lúc sống và hiển linh giúp lớp hậu sinh

sau khi chết làm phúc thần. Ông Bùi Cầm Hổ (truyện Bùi Cầm Hổ - TTNL), người huyện Thiên Lộc, có tài trị nước giúp đời, được triệu dùng làm quan trong triều. Đình thần thấy ông không đỗ đạt gì nên nhiều người không phục, nhưng ông làm việc chu đáo, nhiều lần thể hiện tài năng khiến vua phải ban khen. Sau khi mất, ông được vua phong là Phúc thần. Truyện Tướng quân Đoàn Thượng kể vào đời Lý Huệ Tông, Đoàn Thượng cùng em (con bà vú) vâng mệnh đi dẹp giặc và trấn ở Hồng Châu. Nhà Lý mất, Đoàn chiếm giữ một phương. Thái sư Trần Thủ Độ ngầm sai người đánh dẹp. Đoàn Thượng thua trận, bị chém ở cổ, chỉ còn như sợi chỉ chưa đứt, phải dùng dây lưng buộc lấy rồi tiếp tục chạy. Đến làng An Nhân, có một ông già đội mũ thắt đai chấp tay đứng bên đường bảo cho biết ông là người trung liệt, Thượng để đã cất dùng, lại chỉ một cái gò làng bên mà nói rằng đây là nơi ông được hưởng sự thờ cúng. Ông vâng lời, đến chỗ ấy xuống ngựa, gói giáo mà nằm, liền có mối đùn đất lấp lên. Miếu thờ rất linh nghiệm. Ông từng hiển linh báo cho dân làng biết việc vua Trần Nhân Tông ghé ngang miếu thờ, được phong tặng là Thượng Đẳng thần. Truyện Áp Lãng chân nhân (Nam ông mộng lục - NOML) kể: Vua Lý Thái Tông dẫn quân đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Thần Đầu, gặp sóng to gió lớn. Có một vị đạo sĩ giúp vua làm yên sóng gió. Khi vua thắng trận quay về, vị đạo sĩ lại ra đón. Đến lúc thưởng công, vị đạo sĩ ấy đã đi mất. Vua phong là Áp Lãng chân nhân. Truyện Lệ Hải bà vương kí (Việt điện u linh - VDUL) kể về

nữ kiệt họ Triệu, tên húy là Trinh, em gái của Triệu Quốc Đạt, khi còn nhỏ tính tình ngang bướng, thẳng thắn, có chí lớn. Bà giúp anh khởi nghĩa chống quân Ngô, đến khi anh mất bà được tôn là chúa. Bà được người đời tôn là Nhụy Kiều tướng quân hay Lệ Hải bà vương. Quân Ngô giao chiến với quân của bà, sợ hãi vô cùng. Bấy giờ Lục Dận được vua Ngô phái sang đánh phương Nam, nghĩ ra kế cho quân lính cởi hết quần áo ra trận, khiến bà phải xấu hổ bỏ chạy. Bà thua to, tự tử. Về sau, có nạn dịch lớn, quân Ngô mắc bệnh nhiều vô kể. Lục Dận nằm mơ thấy bà đến chửi mắng. Y hoảng sợ tìm cách trấn yểm mới hết được bệnh dịch. Vào thời Lý Nam Đế, vua nằm mộng thấy có người đàn bà đến xin cùng quân đi đánh giặc Lâm Ấp. Chiến thắng giặc, vua cho xây miếu thờ và gia phong cho bà vì có âm công giúp đỡ nhân dân.

Có thể nói, trong mọi nhất cử nhất động của đời sống thường nhật, người Việt đều nghĩ đến thần linh. Thế giới siêu nhiên đã trở thành một thành tố quan trọng của đời sống trần thế. Đặc biệt, trong tâm thức người Việt, từ những bậc đạo cao đức trọng đến những vị anh hùng chiến trận hay anh hùng sáng tạo văn hóa đều được tôn thờ như những liệt thánh. Tổ tiên, liệt thánh hóa vào đất đai xứ sở trở thành khí thiêng sông núi. Nhân dân ta càng tự hào về quá khứ bao nhiêu, càng ý thức được sức mạnh thiêng liêng ấy bấy nhiêu. Từ bậc vua chúa đến hạng dân đen, không ai không xúc động thành kính trước oai linh hiển hách của tiền nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn học.
2. Ngô Lập Chi, Trần Văn Giáp dịch (1962), *Truyện kì tân phá*, Tủ sách Trường Đại học Tổng hợp.
3. Đỗ Kiên Cường (2002), *Tâm linh dưới góc nhìn khoa học*, Nxb Thanh niên.
4. Nguyễn Du (1986), *Truyện Kiều*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp Hà Nội.
5. Nguyễn Đăng Duy (2002), *Văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa Thông tin.
6. Đinh Xuân Dũng (2004), *Mối quan hệ giữa văn hóa và văn học*, Nxb Chính trị Quốc gia.
7. Nguyễn Dữ (2001), *Truyện kì mạn lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Kiều Thu Hoạch (2005), *Tổng hợp văn học dân gian người Việt*, tập 12, *Truyện Nôm bình dân*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
9. Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án (2001), *Tang thương ngẫu lục*, Nxb Văn học.
10. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, (Phạm Vĩnh Cư & nnk dịch), Nxb Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du.
11. Đinh Gia Khánh, Trịnh Đình Rư, Trần Nghĩa (dịch) (2008), *Việt điện u linh tập, Nam Ông mộng lục, Truyện kì mạn lục*, Nxb Văn học.
12. Hồ Liên (2002), *Đôi điều về cái thiêng và văn hóa*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
13. Diêu Vĩ Quân (chủ biên) (1996), *Bí ẩn của chiêm mộng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
14. Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch (2006), *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), Nxb Văn học.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-12-2012; ngày phản biện đánh giá: 03-3-2013;
ngày chấp nhận đăng: 20-5-2013)